

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 16/4/2019
*V/v Tranh chấp ly hôn,
con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đình Sở
2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc: *Tranh chấp ly hôn, con chung* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Đ**, Sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Xóm K, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Bùi Đức D** – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Mai Ngọc S**, Sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Xóm K, xã V M, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà **Đinh Thị Hạnh** – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Hà Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ kết hôn với anh Mai Ngọc S ngày 14/9/2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V M, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ, trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu không ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2018 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Sơn say rượu hay đánh chị Đông, vợ chồng hay cãi nhau và sống ly thân từ thời gian đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ đề nghị được ly hôn với anh S để giải phóng cho nhau và ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Đ xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Mai Nhật T, SN: 19/5/2008. Hiện nay đang ở với anh S và bố mẹ đẻ anh S tại xã V M. Nay ly hôn chị Đ nhất trí để cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/ 1 tháng theo yêu cầu của anh S.

Về tài sản chung, về công nợ, công sức đóng góp: Chị Đ trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Mai Ngọc S trình bày:

Anh S xác nhận thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị Đ trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn hòa thuận hạnh phúc thỉnh thoảng mới xảy ra cãi nhau. Từ trước năm 2017 vợ chồng có mâu thuẫn, anh S có lần đánh chị Đ, nhưng 2 năm trở lại đây vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Chị Đ làm đơn xin ly hôn anh S nhưng không có lý do gì, làm đơn mà không thông báo cho anh biết. Nay chị Đ xin ly hôn anh Sơn không đồng ý, anh cần có thời gian suy nghĩ là nửa năm.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Mai Nhật T - SN: 19/5/2008. Hiện nay cháu đang ở với anh S và bố mẹ đẻ anh S. Nay ly hôn anh xin được nuôi con và yêu cầu chị Hà Thị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với mức là 1.000.000đ / tháng.

Về tài sản chung, về công nợ, công sức đóng góp: Anh S xác nhận anh và chị Đ không có gì, nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – ông Bùi Đức Dũng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh S thực tế không còn tồn

tại, anh S thường xuyên uống rượu say rồi đánh chị Đ, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy đề nghị HĐXX cho chị Đ được ly hôn anh S để giải phóng cho nhau và ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị Đ chấp nhận giao cho anh S được trực tiếp nuôi con chung là cháu Mai Nhật T - SN: 19/5/2008 và cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S là 1.000.000đ/ 1 tháng, đề nghị HĐXX chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: chị Đ và anh S đều xác nhận không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn – bà Đinh Thị Hạnh: Mặc dù trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Đ và anh S có mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, bản thân anh S vẫn còn tình cảm với chị Đ, đề nghị HĐXX xem xét cho anh S và chị Đ được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Về con chung: Chị Đ và anh S có 01 con chung là cháu Mai Nhật T - SN: 19/5/2008, hiện nay cháu đang ở cùng với anh S và bố mẹ đẻ anh S, hơn nữa nguyện vọng của cháu T là xin được ở với bố. Do vậy đề nghị HĐXX giao cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S là 1.000.000đ/ 1 tháng. Về tài sản chung, nợ chung: chị Đ và anh S đều xác nhận không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn anh Mai Ngọc S. Về con chung: Giao cháu Mai Nhật T - SN: 19/5/2008 cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S là 1.000.000đ/ 1 tháng kể từ tháng 4/2019 đến khi cháu T trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh S và chị Đ xác nhận không có nên không xem xét. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 11/12/2018 chị Hà Thị Đ nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Mai Ngọc S, được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú

Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự, nguyên đơn chị Hà Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/3/2019, bị đơn anh Mai Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/4/2019 nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Đ, anh S là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh S kết hôn năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị Đ cương quyết xin ly hôn anh S. Bản thân anh S cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, thỉnh thoảng mới xảy ra cãi nhau, trước đây anh có đánh chị Đ nhưng hiện nay thì không có mâu thuẫn gì. Nay chị Đ xin ly hôn anh S không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 11/3/2019 xác định: anh S thường xuyên uống rượu, bia say xỉn dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Hiện nay chị Đ và anh S không còn chung sống với nhau tại xóm Kén, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn. Như vậy HĐXX nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh S xin đoàn tụ là không thực tâm bởi anh S cũng không có biện pháp gì khắc phục tình trạng vợ chồng anh chị hiện nay. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ với anh S là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh S có một con chung là cháu Mai Nhật T - SN: 19/5/2008. Hiện nay cháu đang ở với anh S và bố mẹ đẻ của anh S. Anh S có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 1.000.000đ/ 1 tháng. Phía chị Đ chấp nhận giao con cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của anh S. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T thành niên là phù hợp với Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/ 1 tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, về công nợ, công sức đóng góp: Chị Đ và anh S đều xác định anh chị không có nên không đề nghị tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đ phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Đ. Xử cho chị Hà Thị Đ được ly hôn anh Mai Ngọc S.

2. Về con chung: Giao cho anh Mai Ngọc S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Mai Nhật T - SN: 19/5/2008 kể từ tháng 4/2019 đến khi cháu T thành niên.

Chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S: 1.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 4/2019 đến khi cháu T thành niên.

Sau khi ly hôn chị Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc Hôn nhân và gia đình và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001553 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chị Đông phải nộp thêm 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND Văn Miếu;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Duyên Hòa